TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **233**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2892/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thế D, sinh năm 1984;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: 538Đ, tổ 30, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông D và bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Trần Thế D trình bày:

Ông và bà Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ ngày 25/12/2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hòa hợp, yêu thương nhau. Nay, ông D xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Ông Trần Thế D xác định có 02 con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và cháu Q. Tạm thời, ông D không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Q trình bày.

Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ ngày 25/12/2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông D bài bạc, cá độ đá banh không còn quan tâm đến gia đình và đã bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay. Nay ông D khởi kiện xin ly hôn, bà đồng ý vì không còn tình cảm gì với ông D nữa.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012. Hiện tại, hai con đang ở với ông D nên bà đồng ý giao cả hai cháu Đ và cháu Q cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thế D; về con chung: Giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012 cho ông Trần Thế D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm thời, bà Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, bà Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: ông Trần Thế D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Thế D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Q. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Trần Thế D là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Q là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 17/4/2023 Công an phường L cung cấp: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ 538Đ, Tổ 30, Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho ông D, bà Q. Tuy nhiên, ông D và bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thế D và bà Nguyễn Thị Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ ngày 25/12/2007, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông D là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, theo như ông D trình bày, quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm và tính cách, không còn yêu thương nhau nữa. Ông D nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà Q.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà Q, tại biên bản xác minh ngày 17/4/2023, địa phương cho biết trong quá trình chung sống tại địa phương, ông D và bà Q có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do ông D mê bài bạc, cá độ đá banh.

Bà Q thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông D bài bạc, cá độ đá banh không còn quan tâm đến gia đình và đã bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay. Nay ông D khởi kiện xin ly hôn, bà đồng ý vì không còn tình cảm gì với ông D nữa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng của ông D và bà Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, ông D và bà Q đã không còn quan tâm, chăm sóc, không liên hệ gì với nhau, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm. Do đó, Tòa án căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Trần Thế D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

- **Về con chung:** Ông D khai trong quá trình chung sống, ông và bà Q có 02 con chung tên Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Tạm thời, ông D không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về phía bà Nguyễn Thị Q, bà Q cho biết hiện tại hai con đang ở với ông D nên bà đồng ý giao cả hai con cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Tiến Đ và cháu Trần Anh Q. Tại bản tự khai, hai cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn được ở với bố.

Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho trẻ, Tòa án giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012 cho ông Trần Thế D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Tạm thời, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Ông D và bà Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông D và bà Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Thế D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thế D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thế D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2009 và cháu Trần Anh Q, sinh ngày 29/9/2012 cho ông Trần Thế D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Thế D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 0004367 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ông Trần Thế D và bà Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên